

Đà Lạt, ngày 08 tháng 4 năm 2025

Số: 108/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 40, Điều 48, Điều 147, Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Một bên là: Bà Nguyễn L. Q. M, sinh năm: 1993;

Trú tại: Số 6/12A đường A, phường 3B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Và một bên là: Ông H. Ph. H, sinh năm: 1990.

Trú tại: Số 6/12A đường A, phường 3B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn L. Q. M và Ông H. Ph. H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Đà Lạt vào năm 2011. Do đó, hôn nhân giữa bà M và ông H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân theo bà M và ông H trình bày thì: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, nhất là các vấn đề có liên quan đến tài chính gia đình nên vợ chồng mới phát sinh cãi vã, to tiếng, xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà M và ông H thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa vợ chồng.

Qua đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn của bà M và ông H.

[2] Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên **Hoàng Nguyễn A. Th**, sinh ngày: 22/7/2011.

Khi ly hôn, **bà M và ông H** thỏa thuận giao con chung cho Bà Nguyễn L. Q. M trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, việc thỏa thuận của **bà M và ông H** là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng con chung nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của **bà M và ông H** về người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn.

Về việc thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn do vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: **Bà M và ông H** xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: **Bà M và ông H** cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí, lệ phí Tòa án: **Bà M và ông H** thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** **Bà Nguyễn L. Q. M và Ông H. Ph. H** thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:**

Vợ chồng có 01 con chung tên **Hoàng Nguyễn A. Th**, sinh ngày: 22/7/2011.

Khi ly hôn, **ông bà** thỏa thuận giao con chung cho Bà Nguyễn L. Q. M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

- **Về tài sản chung:** **Bà M và ông H** xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** **Bà M và ông H** cùng xác định, vợ chồng không có nợ chung.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án: **Bà Nguyễn L. Q. M và Ông H. Ph. H** thỏa thuận chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu số 0001878 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt; **bà M và ông H** đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Lạt;
- Chi cục THA dân sự TP. Đà Lạt;
- UBND phường 4, thành phố Đà Lạt;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đặng Thị Thới

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án